

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 7 - 2019

“V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Văn Mầm
- Ông Nguyễn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1028/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 31/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Tăng Hồng N – sinh năm 1981

Địa chỉ: X, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Đặng Văn L - sinh năm 1981

Địa chỉ: X, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tăng Hồng N trình bày:**

Tôi và ông Đặng Văn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ 2002, chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Quá trình chung sống chúng tôi hạnh phúc với nhau một thời gian dài, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi thường xuyên đánh bài bạc nợ nần nhiều lần phải bán tài sản của gia đình để trả nợ, chồng tôi không lo

cho con cái, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

Tôi và ông L có 04 người con chung là: Cháu Đặng Hồng N1 – sinh ngày 02/8/2003; Cháu Đặng Hồng D – sinh ngày 03/02/2007; Cháu Đặng Hồng A – sinh ngày 07/7/2010; Cháu Đặng Trung K – sinh ngày 23/3/2013

Hiện nay các con chung đang do tôi nuôi dưỡng, khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án cho tôi được nuôi dưỡng 04 con chung nêu trên, tôi không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án là quá hạn không đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà N xác định hai vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể hòa giải được nên việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Tăng Hồng N giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Đặng Văn L.

Về con chung căn cứ lời khai của các cháu Cháu Đặng Hồng N1; Cháu Đặng Hồng D; Cháu Đặng Hồng A thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao 04 con chung cho bà N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tăng Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Văn L, có địa chỉ tại thành phố Buôn Ma Thuột, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đặng Văn L. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án bà Tăng Hồng N trình bày: Bà và ông Đặng Văn L tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ năm 2015 đến nay. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà N yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà N và ông L có 04 người con chung là: Cháu Đặng Hồng N1 – sinh ngày 02/8/2003; Cháu Đặng Hồng D – sinh ngày 03/02/2007; Cháu Đặng Hồng A – sinh ngày 07/7/2010; Cháu Đặng Trung K – sinh ngày 23/3/2013. Bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 04 con chung, nguyện vọng của bà N phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà N giao các con cho bà nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tăng Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Tăng Hồng N, ông Đặng Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Tăng Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Tăng Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Hồng N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Hồng N được ly hôn với ông Đặng Văn L

[2] Về con chung: Giao các con chung là cháu Đặng Hồng N1 – sinh ngày 02/8/2003; Cháu Đặng Hồng D – sinh ngày 03/02/2007; Cháu Đặng Hồng A – sinh ngày 07/7/2010; Cháu Đặng Trung K – sinh ngày 23/3/2013 cho bà Tăng Hồng N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Bà Tăng Hồng N, ông Đặng Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Tăng Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008636 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TH, TP BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự

